

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/ HNGĐ-ST

Ngày 20-7-2023

"Về việc ly hôn, tranh chấp
về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thịnh
Các Hội thẩm nhân dân:***

- 1. Bà Phạm Thị Dung***
- 2. Bà Vũ Thị Xuyên***

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2023/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa **số 12/2023/QĐST - DS ngày 29 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:**

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị M; địa chỉ cư trú: tổ 2, khu H, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, **vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).**

**** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*** Luật sư Nguyễn Tiến T và Luật sư Đinh Văn N, thuộc Công ty Luật TNHH T – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; cùng địa chỉ: P102 – D10, phố T, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội (**ông Đinh Văn N có mặt; ông Nguyễn Tiến T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.**)

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T; địa chỉ cư trú: tổ 2, khu H, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Ngô Thị M trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị M và anh Lê Văn T tự nguyện kết hôn tại UBND phường Q, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh vào năm 2012. Sau khi kết

hôn, vợ chồng chị về chung sống tại tổ 2, khu H, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc nhưng mấy năm trở lại đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, đối xử thiếu tôn trọng nhau, anh T thường xuyên chửi bới, đánh đập chị và anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác khiến cho cuộc sống vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị và anh T đã sống ly thân từ nhiều tháng nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay, chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T.

- Về con chung: quá trình chung sống giữa chị và anh T có 01 con chung tên là Lê Trung H, sinh ngày 21/02/2012. Nay vợ chồng ly hôn chị nhận nuôi con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con.

Chị M trình bày, hiện nay chị đang mở cửa hàng làm đại lý kinh doanh các mặt hàng, sản phẩm của hãng Tôn Hoa Sen tại tổ 2, khu H, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; thu nhập trung bình là 10.000.000đ/ 1 tháng, có điều kiện, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ngô Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai, biên bản làm việc và trong quá trình xét xử bị đơn anh Lê Văn T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Ngô Thị M chung sống với nhau từ năm 2009, nhưng đến năm 2012 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố C. Từ năm 2009 anh T và chị M chung sống với nhau tại khu 7, phường Q, thành phố C, đến năm 2013 chuyển ra Vân Đồn sinh sống, trong thời gian sinh sống ở Vân Đồn anh T và chị M mua đất, xây nhà, đến năm 2020 bán nhà ở Vân Đồn chuyển về phường P, thành phố U mua đất, xây nhà. Một mảnh đất 600m² và 04 lô đất mặt đường hơn 400m² (phần đất này mua 03 lô cho con riêng của chị M, còn 01 lô cho con chung của anh T và chị M), tổng số tiền mua đất là 6.800.000.000 đồng. Đến năm 2022 anh T, chị M tiếp tục bán một mảnh đất ở Vân Đồn, tổng số tiền thu được là 7.300.000.000 đồng, toàn bộ tiền và giấy tờ nhà đất liên quan anh T đều đưa cho chị M giữ.

Trong thời gian sống ở phường P, Ông Bí anh T, chị M thống nhất mua 01 xe tải cho một người họ hàng quen biết để đi lấy hàng cho gia đình anh, chị vì anh, chị làm đại lý. Từ đó anh T thấy chị M và người đàn ông kia có sự quan tâm quá mức, chị M không còn quan tâm đến anh, anh có khuyên bảo nhiều lần nhưng chị M không nghe, lộng ngôn, bất chấp những lời khuyên can của anh. Hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau, đến khoảng tháng 2 năm 2022 chị M tự ý chuyển ra sống tại cửa hàng (ở nhà ngoài), mặc dù vẫn sống cùng một nhà nhưng anh, chị không còn quan tâm đến nhau, sống ly thân từ đó đến nay.

Mặc dù vậy anh T vẫn còn tình cảm, vẫn yêu thương chị M, anh T mong muốn vợ chồng đoàn tụ, anh không đồng ý ly hôn. Trong trường hợp chị M

cương quyết xin ly hôn thì anh yêu cầu chị M phải giải quyết rõ ràng, dứt điểm với anh về tài sản chung thì anh mới đồng ý ly hôn.

Ngoài ra, anh T thừa nhận do chị M không quan tâm, không cần anh nữa nên trong thời gian vợ chồng ly thân, anh có đi làm ăn xa và có tìm hiểu người phụ nữ khác.

- Về con chung: trong quá trình chung sống giữa anh và chị M có 01 con chung là Lê Trung H, sinh năm 2012 (anh T không nhớ cháu H sinh ngày, tháng nào). Nếu vợ chồng ly hôn, anh tôn trọng ý kiến của con, nguyện vọng con muốn ở với ai thì người đó được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng anh có một số tài sản chung cụ thể như sau:

01 nhà mái thái, xây dựng trên diện tích 600m² tại tổ 2, khu Hồng Hà, phường Phương Nam, có giá trị khoảng 8.700.000.000 đồng, đất đã được UBND thành phố Uông Bí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Văn Tuấn và Ngô Thị Mến.

01 nhà xưởng có diện tích 118m² bán mái tôn tại tổ 2, khu H, phường P, có giá trị khoảng 1.000.000.000 đồng.

01 xe ô tô 07 chỗ Xpander, giấy đăng ký xe mang tên anh, có giá trị khoảng 500.000.000 đồng.

Anh T trình bày: trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án giải thích về việc: nếu yêu cầu phân chia tài sản chung, nợ chung thì phải có đơn yêu cầu phản tố thể hiện việc yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, đồng thời phải nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn yêu cầu phản tố. Tuy nhiên các tài liệu, chứng cứ liên quan đến tài sản chung hiện nay chị M đang nắm giữ, không đưa cho anh để anh cung cấp cho Tòa án, do đó anh T không làm đơn yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung của vợ chồng. Chị M phải giải quyết dứt điểm về phần tài sản chung của vợ chồng thì anh mới đồng ý ly hôn.

* Tòa án tiến hành lấy lời khai của con trên bảy tuổi của chị M và anh T là cháu Lê Trung H. Khi được hỏi ý kiến, cháu H trình bày: nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ vì mẹ quan tâm và chăm sóc cháu tốt hơn.

* Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương, ông Phạm Văn T – Trưởng khu H, phường P, thành phố U cho biết: Chị Ngô Thị M và anh Lê Văn T là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 2009 và sinh sống ở Cẩm Phả, Vân Đồn. Đến khoảng năm 2019, 2020 chuyển về mua đất, xây nhà và sinh sống tại tổ 2, khu H, phường P, thành phố U. Quá trình chung sống tại địa phương đến khoảng đầu năm 2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên to tiếng, cãi cọ nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, chị M nghi ngờ anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Tổ hòa giải của khu phố đã hòa giải nhưng không có kết quả. Về con chung: giữa chị M và anh T có 01 người con chung là Lê Trung H, sinh năm 2012, hiện con chung vẫn ở cùng chị M và

anh T. Việc chị M đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T, quan điểm của địa phương: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại biên bản làm việc và trong quá trình xét xử, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, ông Đinh Văn N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị M và anh Lê Văn T: mâu thuẫn giữa chị M và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn với anh T.

Về con chung: đề nghị Tòa án giao con chung cho chị M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giải quyết cho chị Ngô Thị M được ly hôn với anh Lê Văn T; **giao con chung Lê Trung H, sinh ngày 21/02/2012 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng; anh T không phải cấp dưỡng cho con; về tài sản chung và nợ chung: cả nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Ngô Thị M thì đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, anh Lê Văn T có địa chỉ cư trú tại **tổ 2, khu H, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Ngô Thị M và vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Tiến T tại phiên tòa, chị M và ông T đều có đơn xin xét xử vắng mặt; vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M, ông T theo Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Ngô Thị M và anh Lê Văn T tự nguyện về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, giữa chị M và anh T có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã, chửi bới, xúc phạm nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, cả hai không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị M đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng trở đoàn tụ; tuy nhiên nếu chị M cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T thì anh đồng ý ly hôn nhưng yêu cầu chị M phải giải quyết rõ ràng, dứt điểm với anh về tài sản chung. Anh T thừa nhận trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh có tìm hiểu người phụ nữ khác.

Xét thấy: giữa chị M và anh T có mâu thuẫn, cả hai có bất đồng quan điểm sống, hiện nay đã sống ly thân, hai người không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau. Mặt khác, việc anh T không đồng ý ly hôn với chị M không phải vì anh T còn tình cảm với chị M mà anh T muốn chị M phải giải quyết dứt điểm tài sản chung của hai vợ chồng.

Từ đó xác định: mâu thuẫn giữa chị M và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị M được ly hôn anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] *Về con chung:*

Chị Ngô Thị M và anh Lê Văn T có một con chung là cháu Lê Trung H, sinh ngày 21/02/2012. Nay ly hôn chị M nhận nuôi con chung đến tuổi thành niên, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con. Anh T có quan điểm tôn trọng nguyện vọng của con, con muốn ở với ai thì người đó được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Khi được hỏi ý kiến của con chung trên bảy tuổi, cháu H có nguyện vọng ở với chị M. Do đó, cần giao cho chị M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Trung H đến tuổi thành niên, anh T không phải cấp dưỡng cho con là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và quy định của pháp luật.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Ngô Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn anh Lê Văn T trong quá trình giải quyết đã trình bày cho Tòa án biết vợ chồng có nhiều tài sản chung; mặc dù đã được Tòa án lập biên bản làm việc, giải thích về việc anh T có quyền yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn nhưng anh T không có đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Nếu sau này anh T có nguyện vọng chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn thì anh T có quyền làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] *Về án phí:* Chị Ngô Thị M là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] *Về quyền kháng cáo*: đương sự; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; **Điều 227**; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Ngô Thị M được ly hôn anh Lê Văn T.

2. *Về con chung*: giao cho chị Ngô Thị M có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên là Lê Trung H, sinh ngày 21/02/2012, kể từ ngày xét xử (ngày 20/7/2023) cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Lê Văn Tuấn không phải cấp dưỡng cho con.

Anh Lê Văn Tuấn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Chị Ngô Thị Mến cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Lê Văn Tuấn trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí*: Chị Ngô Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0007022** ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí. Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: đương sự; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố Uông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Uông Bí;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH (UBND phường Q, TP C);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Thịnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thị Thịnh

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Lưu Xuân Giới

Lương Xuân Sớm

Tô Thị Thịnh